

CHÍNH TRỊ - LUẬT**ĐƯỜNG LỐI ĐỐI NGOẠI THAY ĐỔI CỦA LIBYA VÀ
QUAN HỆ CẢI THIỆN GIỮA LIBYA VỚI
MỸ VÀ PHƯƠNG TÂY**

Đỗ Trọng Quang

Từ nhiều năm, nhà cầm quyền Libya vẫn bác bỏ lời phương Tây cáo buộc họ bí mật theo đuổi chương trình sản xuất vũ khí hủy diệt hàng loạt (WMD) và chủ mưu nhiều vụ khủng bố, nhưng từ cuối năm 2003, Chính phủ nước này đột nhiên thay đổi thái độ, chính thức nhận trách nhiệm về các vụ khủng bố đó và thừa nhận chương trình vũ khí hạt nhân của mình.

Tháng 3 năm 2003, người đứng đầu cơ quan tình báo Libya là Musa Kusa tiếp xúc với nhân viên cơ quan tình báo MI-6 của Anh, ngỏ ý rằng Chính phủ của họ muốn đàm phán với Anh và Mỹ về chương trình WMD của mình. Nước Anh lập tức thông báo với Chính quyền Bush về đề nghị của Libya, thế là cuộc thương lượng ba bên diễn ra trong chín tháng. Kết quả thương lượng được cả thế giới hoan nghênh, các nhà lãnh đạo Liên minh châu Âu, Trung Quốc, Nga, Iran, và Ảrập coi động thái đó là dấu hiệu chứng tỏ biện pháp ngoại giao có thể thành công mà chẳng cần sử dụng sức mạnh quân sự.

Ngày 19 tháng 12 năm 2003, Libya thông báo đã thương lượng với Mỹ và Anh về WMD. Chính phủ Libya xác nhận đã tự nguyện hủy bỏ các vật liệu, trang thiết bị và chương trình

chế tạo những vũ khí mà quốc tế ngăn cấm. Nhà cầm quyền Tripoli cam kết:

1. Khai báo với Cơ quan Năng lượng Nguyên tử Quốc tế (IAEA) mọi hoạt động hạt nhân và ký Nghị định thư Bổ sung;

2. Loại bỏ tên lửa đạn đạo có tầm bắn quá 300 km với lượng chất nổ 500 kg;

3. Loại bỏ tất cả các kho vũ khí hóa học, và tuân thủ Công ước về Vũ khí Hóa học (CWC);

4. Cho phép thanh sát tức khắc để kiểm tra các hành động này.

Trước thông báo này là những bước đi quan trọng dọn đường để Tripoli tái hòa nhập vào hệ thống kinh tế và ngoại giao toàn cầu. Sau thông báo đó, nhiều đoàn thanh sát của IAEA và các chuyên gia vũ khí của Mỹ và Anh đến Libya, tham quan các trang bị, được phép lấy mẫu và chụp ảnh. Nói cách khác, Libya đã chứng tỏ tính minh bạch và công khai.

Theo Chính phủ Hoa Kỳ, quá trình loại trừ khả năng chế tạo WMD của Libya có thể chia làm ba giai đoạn. Giai đoạn thứ nhất ưu tiên loại bỏ một số vật liệu chủ yếu có thể dùng để sản xuất vũ khí hủy diệt hàng loạt. Vật liệu này gồm tài liệu thiết kế vũ khí hạt nhân (như những tài liệu mà nhà khoa học Abd al-Qadir Khan ở Pakistan cung cấp), chất *uranium*

hexafluoride, các máy ly tâm chủ yếu, và những bộ phận của tên lửa Scud-C. Giai đoạn thứ hai tập trung xóa bỏ những yếu tố còn lại trong chương trình của Libya. Chuyên gia Anh và Mỹ loại một số lượng lớn vật liệu và trang bị ra khỏi chương trình hạt nhân và tên lửa, còn người Libya thì tiêu hủy đạn hóa học. Mục đích của giai đoạn thứ ba là kiểm tra. Chuyên gia Mỹ và Anh phỏng vấn các nhà chuyên môn Libya để hiểu và đánh giá quy mô chương trình WMD và các mạng lưới hỗ trợ.

Trong báo cáo sau ba giai đoạn này trước Tiểu ban về Chủ nghĩa Khủng bố Quốc tế, Không phổ biến Vũ khí Hủy diệt hàng loạt, và Nhân quyền, một quan chức Mỹ là Paula A. Sutter tuyên bố Libya đã hủy bỏ tất cả các WMD. Trong một lời tuyên bố khác trước Ủy ban Đối ngoại Thượng viện, ông Sutter nói rằng Libya đã làm việc “hết sức tốt” để thực hiện cam kết tháng 12 năm 2003, và quyết định của Tripoli là một tấm gương “cho các nước phổ biến vũ khí khác”.

Sau khi Libya thực hiện thỏa thuận hủy bỏ chương trình WMD, quan hệ với các nước phương Tây được cải thiện nhiều. Hoa Kỳ tăng cường quan hệ kinh tế và ngoại giao đã bị trục trặc nhiều thập kỷ, dỡ bỏ hạn chế về đi lại, cho phép các công ty Mỹ thương lượng hợp đồng để trở lại Libya, chấm dứt lệnh trừng phạt, cấp một giấy phép chung về thương mại và đầu tư, hủy bỏ lệnh phong tỏa tài sản của Libya. Cuối cùng, quan hệ ngoại giao giữa Washington và Tripoli được khôi phục tháng 5 năm 2006.

Ngoài vai trò của Anh và Mỹ trong việc loại bỏ khả năng WMD và chương trình tên lửa của Libya, các cơ quan quốc tế như IAEA và Tổ chức Ngăn cấm Vũ khí Hóa học (OPCW) cũng

tích cực tham gia đánh giá nỗ lực của Tripoli, trợ giúp kỹ thuật và kiểm tra việc thi hành đầy đủ thỏa thuận tháng 12 năm 2003.

Một số nhà hoạch định chính sách ở Washington và London cho rằng, quyết định của Libya có liên quan đến cuộc chiến tranh do Mỹ cầm đầu tại Iraq. Ví dụ, Phó Tổng thống Dick Cheney nói rằng: “Năm ngày sau khi chúng tôi bắt được Saddam Hussein, ông Qadhafi thông báo sấp nộp tất cả các vật liệu hạt nhân cho Hoa Kỳ”⁽¹⁾. Trong khi đó, Bộ trưởng Quốc phòng Anh là Geoff Hoon tuyên bố: “Sau khi Saddam Hussein không chịu hợp tác với Liênhợp quốc, chúng tôi cho biết rằng chúng tôi không nói chơi và Libya cần phải rút ra bài học đó”⁽²⁾. Theo ý họ, thì Qadhafi sở dĩ từ bỏ nỗ lực chế tạo những vũ khí này vì sợ bị quân đội Mỹ và Anh lật đổ như Saddam Hussein.

Thật ra, lập trường thay đổi của Libya về WMD nói chung, và về vũ khí hạt nhân nói riêng, có thể cắt nghĩa bằng nhiều nhân tố chính trị, kinh tế, và chiến lược. Những nhân tố này đã khiến người Libya quan tâm đến các vũ khí đó, nhưng mấy thập kỷ sau lại thay đổi nhận thức về tính hữu ích của chúng. Ban lãnh đạo Libya quyết định đổi chương trình WMD kém phát triển của mình lấy việc hội nhập rộng rãi vào hệ thống toàn cầu, và quyết định đó đã được thúc đẩy bằng những thay đổi trong nước.

Vũ khí hủy diệt hàng loạt của Libya

Năm 1971, Libya tham gia Nghị định thư Geneva cấm sử dụng vũ khí hóa học và sinh học trong chiến tranh. Mặc dù đã cam kết, nhưng Libya vẫn dùng vũ khí hóa học chống lại Chad

năm 1987. Libya còn xây dựng ba cơ sở chế tạo vũ khí hóa học tại Rabta, Sebha, và Tarhuna trong những năm 1980 và 1990. Hoa Kỳ đã đe dọa dùng sức mạnh quân sự để ngăn cản việc hoàn thành nhà máy Tarhuna.

Công ước về Vũ khí Hóa học (CWC) bắt đầu có hiệu lực từ tháng 4 năm 1997, nhưng Libya cùng một số nước Ả-rập khác từ chối ký công ước để phản đối Israel không tham gia Hiệp ước Cấm phổ biến Vũ khí hạt nhân (NPT). Tuy nhiên, ít lâu sau khi ký thỏa thuận tháng 12 năm 2003 với Anh và Mỹ, nhà cầm quyền Libya đã ký CWC tháng 1 năm 2004. Đáp lại yêu cầu của Libya về hỗ trợ kỹ thuật, một đoàn chuyên gia của OPCW, do Tổng giám đốc Rogelio Pfirter dẫn đầu, cộng tác chặt chẽ với các quan chức cao cấp Libya để bảo đảm thực hiện có hiệu quả lệnh cấm vũ khí hóa học. Tháng 3 năm 2004, Tripoli nộp cho OPCW bản kê khai đầu tiên tất cả các vũ khí hóa học của mình. Các thanh sát viên OPCW kiểm tra việc phá hủy hoàn toàn kho vũ khí hóa học mà Libya khai báo, và ông Pfirter ghi nhận "Libya đã tuân thủ đầy đủ nghĩa vụ của mình theo Công ước về Vũ khí Hóa học".

Năm 1982, Libya tham gia Công ước về Vũ khí Sinh học và Độc hại (BTWC), nhưng công ước thiếu thủ tục kiểm tra nên không chắc Libya có tuân thủ thỏa thuận không. Tuy vậy, nhiều chuyên gia vũ khí tin rằng nếu Libya có một chương trình vũ khí sinh học, thì trình độ kỹ thuật của nước đó cũng rất hạn chế. Sự trợ giúp của nước ngoài, đặc biệt của Nam Phi giữa những năm 1990, chẳng khiến cho khả năng chiến tranh sinh học của Tripoli khá lên. Thật vậy, những chuyên gia Mỹ và Anh thanh sát các cơ sở của Libya không tìm thấy bằng

chứng nào về một chương trình vũ khí sinh học.

Kho tên lửa đạn đạo của Libya có Scud-B (tầm bắn 300 km, lượng chất nổ 7 kg) mua của Liên Xô, một số ít Scud-C (tầm bắn 600 km, lượng chất nổ 700 kg) mua của Bắc Triều Tiên, và một chương trình chế tạo tên lửa nội địa Al-Fatah có tầm bắn 500-700 km. Chương trình Al-Fatah tiếp tục được thực hiện suốt những năm 1990, tuy bị lệnh trừng phạt quốc tế ngăn trở. Từ những năm đầu 1970, Libya tìm cách mua và hợp tác chế tạo tên lửa tầm ngắn và tầm trung với các công ty Đức, Trung Quốc, Liên Xô, và Bắc Triều Tiên nhưng không đạt kết quả do biện pháp trừng phạt của quốc tế và sức ép của phương Tây. Libya ký Quy tắc ứng xử Quốc tế chống Phổ biến Tên lửa Đạn đạo (ICOC) tháng 11 năm 2002, và từ tháng 12 năm 2003, cam kết thực hiện một thỏa thuận loại bỏ tên lửa đạn đạo có tầm bắn quá 300 km với lượng chất nổ từ 500 kg trở lên. Nước đó cũng đồng ý cải tạo Scud-B thành tên lửa phòng thủ có tầm bắn ngắn hơn.

Sau khi lên nắm quyền năm 1969, ông Qadhafi phát đi những tín hiệu trái ngược nhau về tham vọng vũ khí hạt nhân. Trong khi Libya còn nằm dưới chế độ quân chủ bảo thủ thân phương Tây, nước đó đã ký NPT tháng 7 năm 1968. Năm 1996, Libya cùng 48 nước châu Phi khác ký hiệp ước Pelindaba, một thỏa thuận thiết lập khu vực không có vũ khí hạt nhân ở châu Phi. Theo hiệp ước đó, thì các nước châu Phi cam kết không nghiên cứu, chế tạo, hoặc tàng trữ thiết bị nổ hạt nhân; cấm đặt thiết bị hạt nhân trên lãnh thổ mình; và cấm đổ rác thải hạt nhân. Trong khi đó, lúc Hiệp ước Cấm Thử hạt nhân toàn diện (CTBT) được đưa ra Đại hội đồng Liên

hợp quốc để ký vào tháng 9 năm 1996, thì Tripoli bỏ phiếu chống hiệp ước với lý do nó không đặt một thời hạn cuối cùng cho việc giải trừ quân bị. Nhiều tháng sau, Libya ký CTBT năm 2001 và thông qua hiệp ước đó vào tháng 1 năm 2004. Hai tháng sau nữa, Libya ký Nghị định thư Bổ sung.

Mặc dù ký những hiệp ước này, Libya vẫn theo đuổi tham vọng chế tạo vũ khí hạt nhân. Vì trình độ phát triển công nghệ tương đối thấp, nên Libya phải trông cậy ở nước ngoài, đặc biệt Nga, Trung Quốc, Pakistan, và một số công ty phương Tây. Ít lâu sau khi lật đổ chế độ quân chủ năm 1969, ban lãnh đạo mới tìm cách mua vũ khí hạt nhân của Trung Quốc nhưng không thành công. Năm 1975, Liên Xô đồng ý xây dựng cho Libya một trung tâm nghiên cứu hạt nhân ở Tajura gần thủ đô Tripoli, cung cấp cả lò phản ứng và nhiên liệu. Trung tâm bắt đầu hoạt động năm 1983 và từ đây đã bị IAEA thanh sát.

Libya còn hợp tác chặt chẽ với Pakistan. Theo nhiều nguồn tin, Libya giúp Pakistan trong những năm 1970 tìm kiếm quặng *uranium* ở nước Nigeria láng giềng. Những năm 1990 và những năm đầu 2000, Libya nhận được công nghệ, trang bị, và thiết kế hạt nhân từ nhà khoa học Abd al-Qadir Khan ở Pakistan. Những phát hiện gần đây cho biết nhà khoa học đó đã cung cấp cho Libya một bản thiết kế bom hạt nhân.

Từ khi thỏa thuận tháng 12 năm 2003 được ký kết giữa Libya, Mỹ và Anh, IAEA đóng vai trò hàng đầu trong việc kiểm tra việc hủy bỏ chương trình hạt nhân của nước đó. Sự hợp tác mật thiết giữa nhà cầm quyền Libya với IAEA đã tiết lộ những thông tin quan trọng về cố gắng của Tripoli để có vũ khí hạt

nhân. Tháng 12 năm 2003, Libya cung cấp cho IAEA một bản mô tả chi tiết những hoạt động hạt nhân trước đó chưa báo cáo với cơ quan này. Tiếp theo đó là một loạt buổi gặp gỡ giữa quan chức hai bên và nhiều chuyên tham quan của thanh sát viên IAEA ở các cơ sở hạt nhân Libya. Tài liệu của IAEA miêu tả những bước đi quan trọng của nhà cầm quyền Tripoli.

Có thể rút ra nhiều kết luận từ một cuộc khảo sát chương trình hóa học, sinh học, và hạt nhân của Libya cũng như khả năng của nước đó về tên lửa. *Thứ nhất*, năng lực và cơ sở hạ tầng công nghệ của Libya rất hạn chế và kém phát triển so với những nước khác trong khu vực như Iran, hay như Iraq trước cuộc chiến tranh vùng Vịnh năm 1991. Do vậy, nỗ lực của nước đó nhằm xây dựng khả năng WMD phần lớn phải dựa vào nguồn cung cấp bên ngoài. Nói cách khác, Libya phải dựa phần lớn vào các nước khác về mặt vật liệu, trang bị, và chuyên môn để có vũ khí hủy diệt hàng loạt. *Thứ hai*, việc thiếu một cơ sở bản địa và sự phụ thuộc nhiều vào nguồn cung cấp của nước ngoài khiến phương Tây dễ kiểm chế nỗ lực chế tạo WMD. *Thứ ba*, những nhà chuyên môn Anh và Mỹ từng thanh sát các cơ sở của Libya chẳng tìm thấy bằng chứng cụ thể nào về nỗ lực sản xuất vũ khí sinh học. *Thứ tư*, các thanh sát viên và quan chức của IAEA thấy Libya vi phạm nghĩa vụ chấp hành NPT, nhưng chương trình hạt nhân của nước đó còn ở giai đoạn phát triển rất sơ khai, và nhiều năm nữa mới có khả năng chế tạo một quả bom. Những cuộc thanh sát được thực hiện từ tháng 12 năm 2003 không tìm được trang bị để thiết kế, sản xuất, hoặc thí nghiệm linh kiện hạt nhân. Chẳng có sự tương tác nào giữa cơ quan phụ trách

chương trình vũ khí hạt nhân của Libya (Cơ quan Nghiên cứu Khoa học Quốc gia) với tổ chức chịu trách nhiệm về hoạt động tên lửa (Tổ chức Trung ương về Nghiên cứu Điện tử). Thứ năm, Libya đã hợp tác với quan chức Anh và Mỹ cũng như với thanh sát viên IAEA, để họ nhanh chóng tiếp cận tất cả các địa điểm bị tình nghi chế tạo WMD, và chấp hành thỏa thuận tháng 12 năm 2003. Đáp lại, các quan chức này khen ngợi sự hợp tác và tính minh bạch của Tripoli.

Dưới thời quân chủ, chẳng có dấu hiệu nào cho thấy Libya tìm cách sở hữu vũ khí hủy diệt hàng loạt. Chính quyền Qadhafi từ năm 1969 đã cố gắng mua hoặc chế tạo các loại WMD nhưng chẳng có kết quả mấy. Các nhà lãnh đạo Libya đầu những năm 2000 kết luận rằng, nếu họ từ bỏ WMD thì đất nước sẽ có lợi về kinh tế và chính trị hơn. Nhiều nhân tố trong nước và nước ngoài cũng thúc đẩy thêm sự thay đổi chiến lược đó, như an ninh, quan hệ với phương Tây, hệ tư tưởng, những thay đổi trong nước về kinh tế và chính trị.

Những nhân tố định hướng lập trường của Tripoli về WMD

Sau cuộc đảo chính năm 1969, nhận thức của ban lãnh đạo Libya về an ninh khu vực đã đóng một vai trò đáng kể trong việc xây dựng chương trình WMD cũng như trong quyết định từ bỏ chương trình đó. Trong gần hai thập kỷ, Libya dính líu về quân sự vào nước Chad láng giềng. Những năm đầu 1970, Libya bắt đầu ủng hộ Mặt trận Giải phóng Dân tộc Chad (FROLINAT) chống chính phủ, và năm 1973, chiếm đóng dải Azou ở miền Bắc Chad, một vùng được cho là có nhiều trầm tích khoáng vật. Tripoli can thiệp sâu thêm vào Chad trong

cuộc nội chiến giữa Tổng thống Goukouni Queddi với Bộ trưởng Quốc phòng Hussein Habre. Tổng thống được Libya ủng hộ, còn Bộ trưởng thì được Pháp và các nước châu Phi khác hỗ trợ, đặc biệt là Ai Cập và Sudan.

Lực lượng vũ trang Libya rút khỏi Chad năm 1987 sau nhiều thất bại quân sự, hai nước thỏa thuận ngừng bắn theo đề nghị của Tổ chức Thống nhất châu Phi. Sự can thiệp của Libya vào Chad có thể được cắt nghĩa bằng ý muốn mở rộng ảnh hưởng xuống phía Nam vào vùng châu Phi cận-Sahara, và mối quan tâm về chiến lược và thương mại đến khu vực giàu khoáng sản. Tuy nhiên, cuộc phiêu lưu này thất bại và tốn kém về người và của.

Quan trọng hơn đối với tư tưởng của Qadhafi và chính sách của Libya là cuộc xung đột Ả-rập-Israel. Thất bại của các nước Ả-rập trong cuộc chiến tranh năm 1967 với Israel là một đòn nặng “giáng vào tư tưởng dân tộc và niềm tự hào toàn Ả-rập của Qadhafi”⁽³⁾. Việc nhà vua Idris không ủng hộ Ai Cập đã khiến Qadhafi càng căm giận chế độ quân chủ và làm mạnh thêm tư tưởng dân tộc của ông. Khi lên cầm quyền, Qadhafi giữ một lập trường triệt để chống Israel, nhiều người Libya gốc Do Thái rời khỏi nước này và không được đền bù về mất mát tài sản. Qadhafi tin rằng các nước phương Tây dựng lên Israel giữa thế giới Ả-rập để làm cho người Ả-rập chia rẽ và suy yếu. Vì thế, cách đạt được sự thống nhất và niềm vinh quang Ả-rập là tiêu diệt nhà nước Israel, và trong bối cảnh đó, người Ả-rập cần có vũ khí hạt nhân mạnh ngang Israel.

Qadhafi trách các chính phủ Ả-rập không tích cực “giải phóng Palestine”, mà chỉ quan tâm lấy lại những lãnh thổ bị mất trong cuộc chiến tranh năm 1967. Ông cũng trách Yasir

Arafat từ bỏ đấu tranh vũ trang. Tripoli tài trợ cho các tổ chức Palestine, mở các trại huấn luyện quân du kích Palestine. Nhưng từ những năm đầu 2000, lập trường của Libya về cuộc xung đột Arab-Israel thay đổi nhiều, một nhóm người Libya gốc Do Thái cũ đến thăm Libya và được ông Qadhafi tiếp hồi tháng 10 năm 2004. Nhà lãnh đạo Libya không nói về việc tiêu diệt Israel nữa, và đã có một cách nhìn mới để chấm dứt xung đột. Ông tin rằng “khu vực chẹt hẹp giữa sông Jordan và Địa Trung Hải không thể đủ cho hai nhà nước, một nhà nước Do Thái và một nhà nước Palestine. Cách giải quyết là thành lập một nhà nước dân chủ duy nhất”⁽⁴⁾. Nhà nước liên bang này sẽ mở ra cho cả dân Palestine và người Do Thái trở về, với quyền bình đẳng cho tất cả.

Lập trường mới này cho thấy ông Qadhafi chẳng cần cực đoan hơn chính người Palestine, vì đa số dân Palestine đã công nhận nhà nước Israel và chấp nhận một giải pháp hòa bình cho cuộc xung đột. Hơn nữa, nhà lãnh đạo Libya nghĩ rằng chẳng cần nêu lên những khẩu hiệu gay gắt như “giải phóng Palestine” hoặc “tiêu diệt Israel”. Trái lại, một nền kinh tế thịnh vượng và cơ hội tái hội nhập cộng đồng quốc tế sẽ bảo đảm tốt hơn cho sự tồn tại chế độ mình.

Mummar al-Qadhafi tiến hành cuộc đảo chính quân sự ngày 1 tháng 9 năm 1969, lật đổ chính thể quân chủ và xây dựng một hệ thống chính trị mới, thành lập Hội đồng Chỉ huy Cách mạng (RCC) để cai quản đất nước. Lai lịch và động cơ chính trị của Qadhafi và nhiều người chung chí hướng với ông đều giống nhau, cùng xuất thân từ gia đình nghèo và theo

học trường quân sự Libya. Bình nghiệp giúp cho những người có thu nhập thấp một cơ hội thăng tiến về kinh tế và xã hội.

Qadhafi, sinh năm 1942, được hưởng một nền giáo dục hoàn toàn Arab và Hồi giáo, do các thầy giáo Ai Cập dạy dỗ. Ít lâu sau khi tốt nghiệp Học viện Quân sự Libya, ông được chọn tiếp tục theo học nhiều tháng tại Học viện Quân sự Hoàng gia ở Sandhurst của nước Anh. Trong những năm hình thành tính cách, Qadhafi cùng đồng sự ở RCC theo dõi chặt chẽ diễn biến chính trị ở các nước láng giềng, đặc biệt trường hợp nổi lên của Tổng thống Gamal Abd al-Nasser tại Ai Cập, cuộc đương đầu của Nasser với Israel và phương Tây, và lời kêu gọi thống nhất Arab của ông. Nasser trở thành thần tượng của Qadhafi, con đường cách mạng của Ai Cập được coi là khuôn mẫu cho chế độ mới ở Tripoli. Thoạt đầu, RCC không đưa ra một cương lĩnh chính trị rõ ràng, nhưng trong những năm 1970, Qadhafi nhấn mạnh tư tưởng của ông trong nhiều cuộc phỏng vấn, bài diễn văn, và tài liệu, nhất là cuốn *Sách Xanh*. Cuốn sách này gồm ba tập, phối hợp chủ nghĩa xã hội, chủ nghĩa dân tộc Arab và đạo Hồi tiến bộ, trình bày đường lối chung để biến đổi xã hội Libya.

Những thay đổi trong nước về chính trị và kinh tế

Khi giành được độc lập năm 1951, Libya là một trong những nước nghèo nhất thế giới, phụ thuộc nhiều vào viện trợ của nước ngoài. Nhưng khi các trầm tích dầu lửa được phát hiện trong những năm giữa 1950, thì hoàn cảnh thay đổi hẳn. Trong vòng vài năm, Libya trở thành một trong những nước có GNP (tổng sản phẩm quốc dân) cao nhất châu Phi. Ngay

trước cuộc đảo chính năm 1969, Libya đã là một nước giàu có với dân số thấp. Ba thập kỷ sau (những năm cuối 1990) hoàn cảnh kinh tế xấu đi, sức tăng trưởng đình trệ, tỉ lệ thất nghiệp cao.

Nhiều nhân tố góp phần vào tình hình kinh tế tồi tệ này: *thứ nhất*, sự can thiệp mạnh của nhà nước gây ra nạn tham nhũng và cách quản lý kém; *thứ hai*, giá dầu ổn định ở mức thấp từ những năm giữa 1980 đến gần cuối những năm 1990; *thứ ba*, thiếu ý chí chính trị để thực hiện cải cách; *thứ tư*, phiêu lưu quân sự tốn kém với ít cái lợi về chính trị và kinh tế; *thứ năm*, lệnh trừng phạt kinh tế khiến đất nước bị cô lập.

Cũng nên xem xét bối cảnh quốc tế và khu vực vào cuối những năm 1990 và đầu những năm 2000, khác xa bối cảnh những năm đầu cuộc đảo chính năm 1969. Sự sụp đổ của Liên Xô chẳng những có nghĩa là mất đi sự ủng hộ của một siêu cường, mà còn cho thấy sự can thiệp của nhà nước như ở Liên Xô có nhiều nhược điểm. Như vậy, quan hệ song phương quốc tế được thay thế bằng một hệ thống mới với Hoa Kỳ. Ngoài ra, chuẩn mực quốc tế đã thay đổi, phản ánh sự biến đổi cơ bản của hệ thống quốc tế. Thời kỳ thuộc địa đã kết thúc, đấu tranh giải phóng dân tộc đã nhạt đi để thay thế bằng hội nhập kinh tế toàn cầu.

Trong khu vực, Pakistan và một số nước Arập đã trực tiếp hay gián tiếp nói chuyện với Israel. Cuộc nói chuyện này thường không đạt kết quả, nhưng cho thấy mọi người đã từ bỏ quá khứ về cơ bản: đại đa số người Arập chấp nhận một thực tế là, Israel là một bộ phận của Trung Đông. Xung đột bây giờ chỉ còn xoay quanh những đất đai bị mất trong cuộc chiến tranh năm 1967. Thế rồi, một trong những

nhà lãnh đạo Arập cuối cùng chống ảnh hưởng Mỹ tại thế giới Arập đã bại trận. Trước diễn biến trong nước, khu vực và quốc tế đó, Qadhafi nhận trách nhiệm về những chính sách trước đây, chấp nhận chuẩn mực mới và bắt đầu hợp tác với các tổ chức quốc tế để Libya từ bỏ WMD.

Thật ra, Qadhafi đã hình dung việc tổ chức lại xã hội Libya sau khi ông củng cố chính quyền những năm đầu 1970. Một “cuộc cách mạng văn hóa” được khởi xướng năm 1973, và bốn năm sau, quốc hiệu được đổi thành nước Libya Nhân dân Xã hội chủ nghĩa Arập Jamahiriya. RCC và Hội đồng Bộ trưởng được thay bằng Đại hội Nhân dân chung. Về kinh tế, Libya xây dựng nhà nước xã hội chủ nghĩa và nền kinh tế kế hoạch hóa. Một mục đích lớn của chế độ kinh tế là phân phối lại các khoản thu nhập về dầu lửa cho công bằng hơn để làm lợi cho những bộ phận xã hội trước đây bị thiệt thòi. Qadhafi khuyến công nhân tự giải phóng mình khỏi chế độ nô lệ mà các ông chủ áp đặt, và trở thành “đối tác chứ không phải người ăn lương”. Đáp lại lời kêu gọi, công nhân kiểm soát một số lớn công ty tư nhân và biến chúng thành doanh nghiệp nhà nước. Nhà nước mở rộng kiểm soát đối với hầu hết các khu vực kinh tế, các “siêu thị nhân dân” quốc doanh thay thế hoạt động bán buôn và bán lẻ, sự phát triển công nghiệp nặng và công nghiệp nhẹ được trung ương kiểm soát.

Giống như ở nhiều nước khác, kinh tế kế hoạch hóa và sự can thiệp mạnh của nhà nước không thành công. Tệ tham nhũng, chế độ thiên vị, và nạn thất nghiệp là đặc điểm của nền kinh tế Libya. Cuối những năm 1980, ông Qadhafi cùng các quan chức cấp cao khác quyết định thay đổi chiều hướng,

áp dụng một số biện pháp tự do hóa kinh tế. Nhưng những thay đổi đó chỉ nửa vời và không được thực hiện đầy đủ, việc thi hành rộng rãi chiến lược cải cách kinh tế và tư nhân hóa doanh nghiệp nhà nước đã làm suy yếu sự kiểm soát của nhà nước đối với hệ thống kinh tế.

Không giống các quốc gia sản xuất dầu lửa ở vùng Vịnh như Iran, Iraq, Kuwait và Saudi Arabia là những nước tìm thấy dầu lửa từ đầu thế kỷ XX, Libya đến cuối những năm 1950 mới phát hiện được dầu, nhưng đã trở thành quốc gia lớn thứ tư thế giới xuất khẩu dầu thô ở cuối thập kỷ 1960. Việc tăng sản lượng ở Libya chẳng những phản ánh sự thèm khát dầu ngày càng tăng của thế giới, mà còn cho thấy một số lợi thế của khu vực dầu lửa Libya. *Thứ nhất*, Libya có trữ lượng dầu khổng lồ ước tính 39 tỷ thùng, hoặc 3,3% tổng số của thế giới. *Thứ hai*, chi phí sản xuất thuộc loại thấp nhất thế giới. *Thứ ba*, Libya sản xuất dầu thô chất lượng cao, ít lưu huỳnh. *Thứ tư*, Libya ở gần châu Âu là một lợi thế lớn về chi phí vận chuyển. Do đó chẳng có gì lạ khi các công ty dầu lửa Mỹ và châu Âu đổ xô vào thăm dò và sản xuất dầu ở Libya. Sản lượng dầu ở nước này đạt 3,32 triệu thùng mỗi ngày trong năm 1970, nhưng mức sản xuất đó không kéo dài được lâu, vì lệnh trừng phạt và sự cô lập đã làm thiệt hại cho Libya.

Quan hệ với Mỹ và phương Tây

Đặc điểm của quan hệ song phương giữa Libya và Hoa Kỳ trong ba thập kỷ đầu tiên sau cuộc đảo chính năm 1969 là sự ngờ vực và thù địch. Quan hệ trục trặc là do Libya bang giao mật thiết với Liên Xô, chống đối quyết liệt Israel, không tán

thành giải quyết hòa bình cuộc xung đột Arập-Israel, Qadhafi có liên quan với chủ nghĩa khủng bố quốc tế và muốn có WMD.

Ở thời kỳ Nhà vua Idris cầm quyền, Hoa Kỳ có quan hệ rất tốt với Libya. Viện trợ Mỹ và căn cứ không quân Wheelus Field là nguồn thu nhập lớn và cung cấp nhiều việc làm. Các công ty dầu lửa Mỹ đóng vai trò đáng kể trong việc thăm dò trầm tích dầu của Libya. Sau khi Qadhafi lật đổ chính thể quân chủ, Hoa Kỳ thoát dầu giữ thái độ “chờ xem”, nhưng năm ngày sau, Chính quyền của Tổng thống Nixon công nhận chính phủ mới ở Tripoli. Một số quan chức ở Washington hy vọng Libya trở thành một thành trì chống cộng tại Bắc Phi và Trung Đông. Nhưng sự hòa hoãn không tồn tại lâu sau khi nhà cầm quyền Tripoli quốc hữu hóa các công ty dầu lửa Mỹ, và cùng các nước Arập khác dùng dầu lửa làm vũ khí chính trị chống Hoa Kỳ sau cuộc chiến tranh Arập-Israel năm 1973.

Sự ngờ vực và thù địch sâu sắc thêm trong những năm cuối 1970. Hoa Kỳ phản đối Libya can thiệp ngày càng sâu ở châu Phi, trong khi Qadhafi công kích Mỹ muốn dàn xếp để Ai Cập và Israel bắt tay nhau. Dưới thời Tổng thống Reagan, tất cả các quan hệ kinh tế và ngoại giao đều bị cắt đứt, Hoa Kỳ phong tỏa tài sản của Libya và áp đặt lệnh trừng phạt rộng rãi. Các công ty dầu lửa Mỹ rút khỏi nước này, Mỹ bắn rơi hai máy bay Libya trên bầu trời vịnh Sirte, cáo buộc Libya dính líu vào những vụ khủng bố mục tiêu của Mỹ và phương Tây, tố cáo Libya ủng hộ các nhóm Palestine mà phương Tây coi là tổ chức khủng bố.

Ngoài ra, có nhiều vụ khủng bố mà phương Tây đổ lỗi cho Tripoli. *Thứ*

nhất, nhà cầm quyền Libya ủng hộ những vụ khủng bố thường dân ở nhiều nước. Tháng 4 năm 1984, các tay súng làm việc ở một văn phòng của Libya ở London bắn vào một đám biểu tình hòa bình chống Qadhafi, giết chết một nữ cảnh sát Anh là Yvonne Fletcher và làm bị thương 11 người. Tháng 4 năm 1986, ba nhân viên mật vụ Libya làm việc ở đại sứ quán nước đó tại Berlin dính líu vào vụ đánh bom tiệm khiêu vũ La Belle, cướp đi sinh mạng hai quân nhân Mỹ và một phụ nữ Thổ Nhĩ Kỳ, làm hơn 200 người bị thương. Để trả thù, Mỹ cho máy bay ném bom hai thành phố của Libya là Tripoli và Benghazi, giết chết 15 người, trong đó có con gái nuôi của ông Qadhafi. Cuộc khủng bố đẫm máu nhất diễn ra năm 1988, lúc cơ quan tình báo Libya chịu trách nhiệm về trường hợp chiếc máy bay của hãng hàng không Pan Am, chở 259 người và phi hành đoàn, nổ tung trên bầu trời Lockerbie ở Scotland. Cuối cùng, tháng 9 năm 1989, cơ quan tình báo Libya lại làm nổ bom chiếc máy bay UTA chở khách của Pháp trên bầu trời Niger, làm thiệt mạng 170 người. Nhà chức trách Pháp nêu đích danh thủ phạm là Muhammad Sanusi, em rể Qadhafi. Sáu nghi phạm, tất cả đều là nhân viên tình báo Libya, bị một tòa án Pháp xử vắng mặt.

Thứ hai, tất cả các nước bị cáo buộc tiếp tay cho chủ nghĩa khủng bố đều cực lực bác bỏ lời buộc tội, nhưng Tripoli không chối cãi trách nhiệm pháp lý của mình, nhận bồi thường cho các gia đình nạn nhân. Năm 1999, Libya bồi thường cho cái chết của nữ cảnh sát viên Yvonne Fletcher, thế là quan hệ ngoại giao giữa Libya và Anh được bình thường hóa. Tháng 1 năm 2004, Libya đồng ý trả 170 triệu đôla cho thân thích nạn nhân chiếc máy

bay UTA của Pháp. Tháng 8 năm 2004, Libya trả 35 triệu đôla cho nạn nhân ở tiệm khiêu vũ La Belle tại Đức. Cuối cùng, Tripoli thực hiện nhiều biện pháp để giải quyết vấn đề pháp lý và chính trị liên quan đến vụ khủng bố ở Lockerbie. Năm 1999, Libya giao nộp hai nghi phạm là Abd al-Megrahi và al-Amin Khalifa cho tòa án Scotland xét xử. Tháng 3 năm 2003, Chính phủ Libya nhận trách nhiệm về vụ khủng bố, đồng ý bồi thường cho các gia đình nạn nhân 2,7 tỷ đôla.

Thứ ba, ngoài phán quyết của tòa án ở Anh, Đức và Pháp, cộng đồng quốc tế còn thi hành biện pháp bắt buộc Libya thay đổi chính sách và tuân thủ chuẩn mực chung. Những biện pháp này được ghi trong nhiều nghị quyết của Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc, nhất là Nghị quyết 731 và 748, tỏ ý không hài lòng về kết quả điều tra liên quan đến các quan chức của Chính phủ Libya trong vụ khủng bố máy bay Pan Am và UTA. Hội đồng Bảo an đề nghị Tripoli hợp tác đầy đủ để xác định trách nhiệm về hai cuộc tấn công.

Hội đồng Bảo an cho rằng người Libya đã không chứng minh bằng hành động cụ thể rằng họ từ bỏ chủ nghĩa khủng bố, và thái độ đó sẽ gây nguy cơ cho hòa bình và an ninh quốc tế. Kết quả là, Hội đồng Bảo an áp đặt lệnh trừng phạt về kinh tế và ngoại giao, gây thiệt hại lớn cho Libya. Theo ước tính thì tổn thất về kinh tế là 26,5 tỉ đôla do lệnh trừng phạt.

Thứ tư, ngoài việc buộc Libya tuân thủ chuẩn mực quốc tế, nhận trách nhiệm về hoạt động khủng bố, bồi thường cho nạn nhân, lệnh trừng phạt quốc tế còn khiến Libya định hướng cho một thái độ mới. Từ cuối những năm 1990, Tripoli đã tìm cách chấm

dứt tình trạng cô lập của mình và tái hội nhập hệ thống toàn cầu. Năm 2000, Libya đóng vai trò quan trọng trong việc thương lượng thả một nhóm con tin Pháp, Đức, Malaysia, Nam Phi, Philippines, và Lebanon bị tổ chức Abu Sayyaf bắt ở Philippines. Năm 2002, Libya tham gia Công ước về Loại bỏ việc Tài trợ cho Chủ nghĩa Khủng bố. Như vậy, Tripoli đã tham gia tất cả 12 công ước và nghị định thư quốc tế về chủ nghĩa khủng bố.

Thứ năm, vụ tấn công 11/9 ở Hoa Kỳ là một dịp để Libya tham gia cuộc chiến quốc tế chống khủng bố. Sau vụ tấn công đó, nhà lãnh đạo Libya ra tuyên bố lên án cuộc khủng bố là ghê tởm, kêu gọi người Libya hiến máu cho nạn nhân Hoa Kỳ.

Kết luận

Tháng 12 năm 2003, Libya thông báo đồng ý từ bỏ chương trình WMD và hợp tác đầy đủ với Hoa Kỳ, Anh, và các tổ chức quốc tế để kiểm tra việc thực hiện chính sách mới này. Có hai ý kiến về thái độ của Tripoli. *Thứ nhất*, chế độ Saddam Hussein bị đánh đổ ở Iraq là động lực khiến ông Qadhafi thay đổi đường lối đối ngoại. *Thứ hai*, chính sách thay đổi của Libya về WMD là một tấm gương cho các nước muốn phổ biến vũ khí hủy

diệt hàng loạt ở Trung Đông và những khu vực khác trên thế giới. Tuy nhiên, những ý kiến đó quên rằng, Libya đã từng bước chấp nhận chuẩn mực quốc tế từ lâu trước cuộc chiến tranh năm 2003 tại Iraq. Nhiều kết luận có thể rút ra từ việc Libya thí nghiệm WMD.

Mặc dù Libya cố gắng chế tạo WMD từ ba thập kỷ, nhưng không đạt nhiều kết quả vì cơ sở hạ tầng kỹ thuật rất kém phát triển, chương trình hạt nhân còn ở giai đoạn rất sơ khai. Từ bỏ chương trình WMD khiến đất nước không còn phải chịu lệnh trừng phạt, và bình thường hóa quan hệ với phương Tây. Như Robert Hunter⁽⁵⁾ đã nói: “Ông Qadhafi đã bán đúng giá và đúng lúc thứ tài sản vô dụng và bảo quản tốn kém” ■

Tài liệu tham khảo:

- Washington Post, 26 October 2004.
- Jerusalem Post, 12 October 2004.
- Middle Eastern Studies, January 2004.
- New York Times, 14 December 2004.

Chú thích:

- 1) Washington Post, 26 October 2004.
- 2) Washington Post, 21 December 2003.
- 3) Financial Times, 27 January 2004.
- 4) New York Times, 17 December 2004.
- 5) Robert E. Hunter. *Arms Control Today*, 34 (10), 2004.